

Phủ Thông, ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG KHAI
Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý IV/2025
và đến hết ngày 31/12/2025

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ; Thông tư số: 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số: 97/2024/TT-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính Bãi bỏ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 343/2016/TTBTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trung tâm Y tế Bạch Thông công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước quý IV/2025 và năm 2025 (hết ngày 31/12/2025), cụ thể như sau:

1. Dự toán được sử dụng trong năm:

1.1 Chi thường xuyên, chi chương trình MTQG:

Tổng dự toán được sử dụng: 26.874.986.934 đồng, trong đó:

- Kinh phí tự chủ: 20.678.000.000 đồng, cụ thể:

+ Hệ dự phòng: 4.830.000.000 đồng;

+ Trạm Y tế: 14.282.000.000 đồng;

+ Khám chữa bệnh: 1.566.000.000 đồng;

- Kinh phí không tự chủ: 5.476.699.000 đồng, cụ thể:

+ Chi cho YTTB (P/c, xăng xe, VTTH): 1.165.900.000 đồng

+ Phòng chống cháy nổ: 18.000.000 đồng

+ Hỗ trợ phụ nữ nghèo là người DTTS sinh con đúng chính sách dân số: 2.000.000 đồng

+ Sửa chữa, bảo dưỡng TBYT, tài sản khác: 45.000.000 đồng

+ Kinh phí thực hiện HSBA điện tử: 1.653.000.000 đồng

+ Tiền thưởng theo NĐ73/2024/NĐ-CP: 1.059.000.000 đồng

+ Kinh phí duy trì các CTYT-DS, Kế hoạch đảm bảo kinh phí các hoạt động phòng chống HIV/AIDS: 659.100.000 đồng

+ Kinh phí khám sức khỏe công dân nhập ngũ thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, khám tuyển bổ sung: 104.000.000 đồng

+ Kinh phí CTMTQG giảm nghèo bền vững (DA3 TDA2): 10.000.000 đồng

+ Kinh phí CTMTQG giảm nghèo bền vững (DA7 TDA2): 192.000.000 đồng

+ Kinh phí CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN (DA 7): 568.699.000 đồng.

- Kinh phí cải cách tiền lương (năm 2024 chuyển sang): 720.287.934 đồng

1.2 Vốn đầu tư:

Tổng kế hoạch vốn: 6.700.000.000 đồng, trong đó:

- Lũy kế vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2024: 500.000.000 đồng

- Kế hoạch vốn năm 2025: 6.200.000.000 đồng.

2. Dự toán đã sử dụng trong Quý, đến hết ngày 31/12/2025:

2.1 Chi thường xuyên, chi chương trình MTQG:

Tổng dự toán thực chi hết ngày 31/12/2025: 25.569.736.156 đồng; trong đó:

- Kinh phí tự chủ: 20.678.000.000 đồng, cụ thể:

+ Hệ dự phòng: 4.830.000.000 đồng;

+ Trạm Y tế: 14.282.000.000 đồng;

+ Khám chữa bệnh: 1.566.000.000 đồng.

- Kinh phí không tự chủ: 4.891.736.156 đồng, cụ thể:

+ Chi cho YTTB (P/c, xăng xe, VTTH): 1.160.827.000 đồng

+ Phòng chống cháy nổ: 18.000.000 đồng

+ Hỗ trợ phụ nữ nghèo là người DTTS sinh con đúng chính sách dân số: 2.000.000 đồng

+ Sửa chữa, bảo dưỡng TBYT, tài sản khác: 17.167.000 đồng

+ Kinh phí thực hiện HSBA điện tử: 1.386.618.198 đồng

+ Tiền thưởng theo NĐ73/2024/NĐ-CP: 1.059.000.000 đồng

+ Kinh phí duy trì các CTYT-DS, Kế hoạch đảm bảo kinh phí các hoạt động phòng chống HIV/AIDS: 556.317.970 đồng

+ Kinh phí CTMTQG giảm nghèo bền vững (DA3 TDA2): 10.000.000 đồng

+ Kinh phí CTMTQG giảm nghèo bền vững (DA7 TDA2): 131.912.168 đồng

+ Kinh phí CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN (DA 7): 549.893.820 đồng.

2.2 Vốn đầu tư:

Tổng kế hoạch vốn thực chi đến hết ngày 31/12/2025: 5.972.444.827 đồng.

(Có Biểu số 3 chi thường xuyên, vốn đầu tư chi tiết kèm theo)

Trên đây là công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN trong Quý IV/2025 và đến hết ngày 31/12/2025 của Trung tâm Y tế Bạch Thông./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc TT (02);
- Các phòng, khoa, TYT;
- Website đơn vị;
- Lưu VT, HCTH.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Hà

Đơn vị: Trung tâm Y tế Bạch Thông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 423

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH Năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		25.569.736.156		
I	Nguồn ngân sách trong nước		25.569.736.156		
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		24.181.117.958		
	131 - Y tế dự phòng		22.286.571.458		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		19.112.000.000		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		3.174.571.458		
	132 - Khám bệnh, chữa bệnh		1.725.000.000		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.566.000.000		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		159.000.000		
	134 - Vệ sinh an toàn thực phẩm		50.000.000		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		50.000.000		
	139 - Y tế khác		18.000.000		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		18.000.000		
	151 - Dân số		101.546.500		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		101.546.500		
2	Chi bảo đảm xã hội		2.000.000		
	398 - Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác		2.000.000		
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.000.000		
3	Chi hoạt động kinh tế		1.386.618.198		
	338 - Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác		1.386.618.198		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1.386.618.198		

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		5.972.444.827		
I	Nguồn ngân sách trong nước		5.972.444.827		
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		5.972.444.827		
	132 - Khám bệnh, chữa bệnh		5.972.444.827		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		5.972.444.827		

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



Hoàng Thị Hà

